TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG X NĂM 1996

Ở khu vực từ Quảng Trị đến Phú Yên, mưa to, gió lớn do bão, ATNĐ kết hợp với hoạt động của không khí lạnh nên mực nước sông dâng cao, lũ lớn gây nhiều thiệt hại về người và của ở khu vực này.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Bão và ATNĐ

-ATNĐ: Ngày 12, ATNĐ đã vượt qua phía bắc quần đảo Phi-lip-pin vào Biển Đông. Hồi 19h, vị trí trung tâm ATNĐ ở vào khoảng 18,5 độ vĩ bắc - 118,4 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm ATNĐ mạnh cấp 6-cấp 7.

ATNĐ di chuyển theo hướng tây bắc. Ngày 13, ATNĐ chuyển hướng di chuyển theo hướng tây tây nam , sau đó lệch về nam tây nam.

Ngày 16, ATNĐ đi vào vùng biển Phú Yên, Khánh Hòa. Ngày 17, ATNĐ suy yếu thành một vùng áp thấp và tiếp tục đi sâu vào đất liền. (hình 1).

Do ảnh hưởng của ATNĐ , các tỉnh từ Quảng Trị đến Phú Yên đã có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to.

- Bão số 7 (BETH 9622): Ngày 18, một cơn bão đã vượt qua quần đảo Phi-lip-pin vào Biển Đông. Hồi 19h, vị trí trung tâm bão ở vào khoảng 18,2 độ vĩ bắc -120,1 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm tới cấp 10.

Bão di chuyển theo hướng tây tây bắc . Đêm 19, bão chuyển hướng theo hướng giữa tây nam và tây tây nam. Ngày 20 , bão suy yếu nhanh, sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão cấp 8-cấp 9. Ngày 21, bão tiếp tục suy yếu thành ATNĐ. Ngày 22, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển ven bờ Quảng Nam -Đà Nẵng , Quảng Ngãi. (hình 1).

Do ảnh hưởng của bão kết hợp với không khí lạnh, ở các tỉnh từ Quảng Bình đến Phú Yên có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to.

b) Không khí lạnh

Có một đợt không khí lạnh với cường độ mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào ngày 7. Nhiệt độ sau 24h ở khu vực này giảm từ 8 đến 12^{0}C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3-cấp 4, ngoài khơi cấp 6- cấp 7 . Trời chuyển lạnh. Do ảnh hưởng của không khí lạnh ở Bắc Bộ có mưa rào rải rác, một số nơi có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to; ở các tỉnh ven biển Trung Bộ có mưa ở nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to.

Ngoài ra, còn có hai đợt không khí lạnh tăng cường vào ngày 19 và 25 đã tác động gây mưa nhiều nơi ở Trung Bộ.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nơi xảy ra nhiệt độ cao nhất là Đông Hà (Quảng Trị): 35,4^{o}C ngày 7.

Nơi xảy ra nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai) : 9,5^{o}C ngày 27.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ , Tây Nguyên và khu vực từ Quảng Nam-Đà Nẵng đến Phú Yên có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Trà My (Quảng Nam-Đà Nẵng): 2115mm (+1182mm) và cũng là nơi có lượng mưa ngày lớn nhất : 500mm/ngày 29.

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Phù Liên (Hải Phòng) : 7mm (-149mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc vùng núi Bắc Bộ có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Sơn La: 210 giờ (+25giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Trà My (Quảng Nam-Đà Nẵng): 64 giờ (-74 giờ) .

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh thuộc Trung Bộ, mưa to và rất to do bão, ATNĐ và hoạt động của không khí lạnh đã gây ngập lụt nghiêm trọng , gây nhiều thiệt hại về người và của , nhất là đối với sản xuất nông nghiệp.

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	24,2	+0,4	30,5	33,5	1	21,0	17,7	28	85	47	1
2	Điện Biên	22,6	+0,2	29,1	32,0	4	19,1	15,0	28	84	46	27
3	Sơn La	21,5	-0,2	27,4	30,6	3	17,5	12,9	23	82	48	27
4	Sa Pa	15,6	0,0	19,7	23,1	1	13,4	9,5	27	92	60	1
5	Lao Cai	24,0	+0,2	28,9	32,2	1	21,0	16,5	28	86	42	1
6	Yên Bái	24,4	+0,5	29,7	32,5	14	21,2	17,0	28	85	47	27
7	Hà Giang	23,8	+0,1	29,3	33,4	13	20,4	14,9	27	84	46	1
8	Tuyên Quang	24,8	+1,0	30,2	32,9	14	21,9	17,2	28	80	44	26
9	Lạng Sơn											
10	Cao Bằng	22,6	-0,1	29,1	32,6	14	18,7	12,8	27	81	39	26
11	Thái Nguyên	25,1	+0,8	29,8	32,4	2	21,6	17,0	28	79	42	1
12	Bắc Giang	25,6	+1,1	30,1	32,1	18	22,5	18,1	27	79	42	27
13	Phú Thọ	24,8	+0,5	29,5	32,2	18	21,8	17,5	28	83	61	29
14	Hòa Bình	25,2	+0,7	30,2	32,9	14	22,0	17,8	28	80	44	26
15	Hà Nội (Láng)	25,8	+1,2	29,9	33,3	6	23,1	18,2	8	77	42	27
16	Tiên Yên	23,8	+0,3	29,2	31,6	3	20,5	15,5	27	84	50	26
17	Hòn Gai	25,7	+1,2	28,8	30,6	13	22,5	19,4	27	79	50	25
18	Phủ Liễn	25,4	+0,9	30,0	32,5	30	22,7	19,5	9	80	49	27
19	Thái Bình	24,6	+0,2	28,9	31,2	31	21,8	17,3	27	88	47	27
20	Nam Định	25,2	+0,3	29,3	32,1	7	22,4	17,9	27	84	48	27
21	Thanh Hóa	25,1	+0,6	28,0	31,3	7	22,8	19,7	28	84	51	21
22	Vinh	25,1	+0,7	28,1	32,7	6	23,0	20,7	27	86	56	7
23	Đồng Hới	25,5	+0,7	28,4	32,7	6	23,0	20,8	27	87	61	7
24	Huế	25,5	+0,4	29,4	32,7	6	23,2	21,2	1	91	60	1
25	Đà Nẵng	26,2	+0,5	29,5	32,0	8	24,1	21,9	1	86	60	15
26	Quảng Ngãi	25,9	+0,2	29,7	32,4	2	23,6	22,5	1	90	57	14
27	Quy Nhơn	27,2	+0,6	30,4	34,5	6	24,9	22,7	17	85	55	16
28	Plây Cu	22,8	+1,1	27,6	29,6	14	19,1	16,3	20	87	47	4
29	Buôn Ma Thuột	23,8	+0,3	28,8	31,1	4	21,2	18,3	20	87	54	10
30	Đà Lạt	18,5	+0,1	22,8	25,0	6	15,1	13,2	4	88	53	4
31	Nha Trang	26,9	+0,5	30,4	32,8	16	24,2	22,4	22	84	62	4
32	Phan Thiết	27,3	+0,6	31,8	33,2	16	24,9	23,0	31	84	56	26
33	Vũng Tàu	27,7	+0,6	30,0	32,1	20	25,5	23,1	31	86	62	21
34	Tây Ninh	26,4	0,0	31,2	33,0	7	23,7	22,7	31	86	55	26
35	T.P. Hồ Chí Minh	27,0	+0,3	31,7	33,9	28	24,6	23,2	23	85	54	13
36	Tiền Giang	26,5	-0,3	30,5	32,9	7	24,3	22,8	24	88	56	8
37	Cần Thơ	26,5	-0,3	30,4	32,7	7	24,5	21,9	24	91	65	8
38	Sóc Trăng	26,7	-0,1	30,7	32,6	7	24,3	23,3	10	89	59	6
39	Rạch Giá	27,4	-0,3	30,2	31,6	13	24,8	23,4	10	85	67	12
40	Cà Mau	26,8	+0,1	30,9	33,2	3	24,5	23,2	9	89	61	13

Chú thích: *Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng*

CỦA CÁC TRẠM THÁNG X NĂM 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
				Số ngày liên tục								Gió tây khô nóng		Dông	Mưa phùn	
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Cómưa dàinhất	Không mưa dài nhất	Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Nhẹ	Mạnh			
67	-14	40	8	7	11	9	65	3	1	165	+11	0	0	4	0	1
79	+15	40	8	7	20	7	69	3	26	182	+10	0	0	2	0	2
39	-23	20	7	5	22	5	68	3	26	210	+25	0	0	3	0	3
233	+24	100	7	8	5	13	32	3	22	146	+50	0	0	3	0	4
124	-7	40	7	8	5	12	57	3	1	134	+4	0	0	2	0	5
31	-136	7	5	4	10	5	78	4	14	171	+18	0	0	4	0	6
187	+35	110	7	4	5	9	69	7	26	152	+22	0	0	3	0	7
32	-80	13	6	4	11	4	90	5	26	182	+22	0	0	4	0	8
																9
59	-27	40	7	3	10	5	81	7	26	161	+22	0	0	1	0	10
116	-2	70	7	4	19	6	102	6	26	182	+2	0	0	3	0	11
27	-73	20	8	4	12	7	103	6	26	201	+14	0	0	0	0	12
98	-62	50	19	5	9	7	99	6	26	175	+10	0	0	6	0	13
32	-146	13	7	4	7	8	90	5	26	101	-58	0	0	4	0	14
73	-58	30	8	2	11	5	94	6	26	175	+10	0	0	3	0	15
240	+98	120	6	4	10	7	83	5	26	150	x	0	0	3	0	16
60	-67	50	5	3	11	5	90	5	23	185	-4	0	0	3	0	17
7	-149	5	31	1	11	6	77	6	26	187	-5	0	0	4	0	18
83	-134	30	31	2	19	5	69	5	26	178	0	0	0	2	0	19
152	-43	130	8	1	13	5	74	4	26	165	-10	0	0	3	0	20
145	-119	58	8	2	6	8	83	5	26	168	-8	0	0	3	0	21
366	-61	190	11	5	7	16	63	4	6	108	-27	0	0	2	0	22
471	-125	80	22	8	3	22	79	7	26	122	-18	0	0	4	0	23
760	-36	110	25	16	3	24	37	3	8	96	-57	0	0	13	0	24
690	+77	150	10	16	5	22	56	3	14	136	-10	0	0	6	0	25
742	+155	140	22	15	8	20	54	4	14	112	-50	0	0	11	0	26
486	+23	150	17	16	3	23	84	5	15	132	-51	0	0	5	0	27
114	-67	20	6	5	4	18	52	3	1	156	-23	0	0	5	0	28
294	+89	80	31	11	6	21	65	4	9	122	-52	0	0	7	0	29
257	+6	40	26	11	3	21	55	3	10	113	-35	0	0	6	0	30
281	-43	50	26	16	6	20	92	6	26	196	+14	0	0	3	0	31
130	-40	30	21	6	6	15	89	5	22	214	-3	0	0	7	0	32
389	+174	60	18	7	3	22	58	3	28	149	-41	0	0	12	0	33
442	+148	70	14	11	2	26	51	3	26	166	-40	0	0	14	0	34
390	+123	90	13	10	2	23	61	3	20	110	-72	0	0	12	0	35
303	+33	60	24	6	3	22	45	2	19	150	-30	0	0	16	0	36
498	+221	80	20	10	1	25	44	2	18	120	-56	0	0	16	0	37
246	-47	70	30	8	3	23	34	2	17	138	-27	0	0	6	0	38
414	+142	50	30	7	1	27	67	3	27	143	-35	0	0	19	0	39
690	+364	140	29	10	2	25	44	2	5	118	-38	0	0	15	0	40

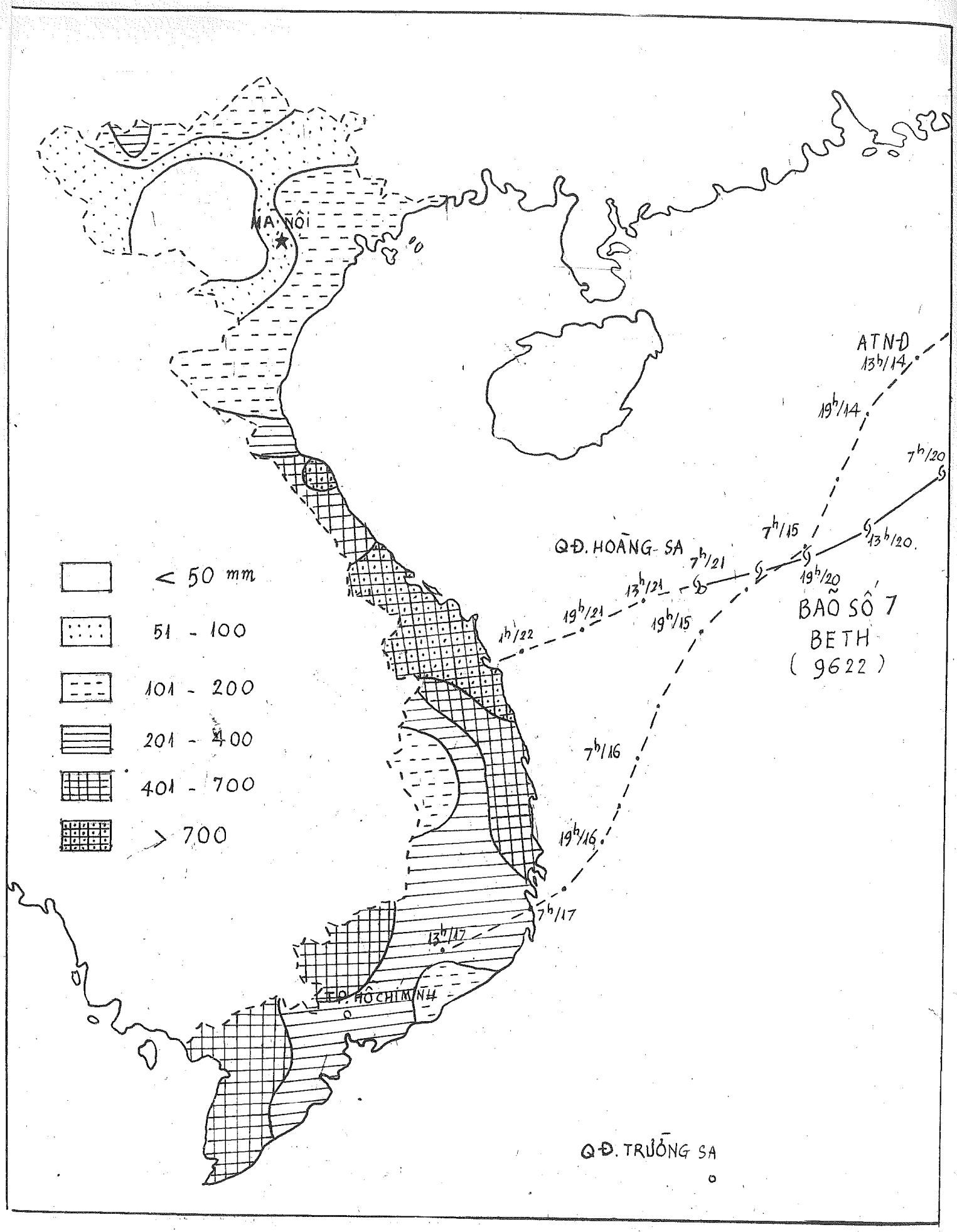

Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng X năm 1996

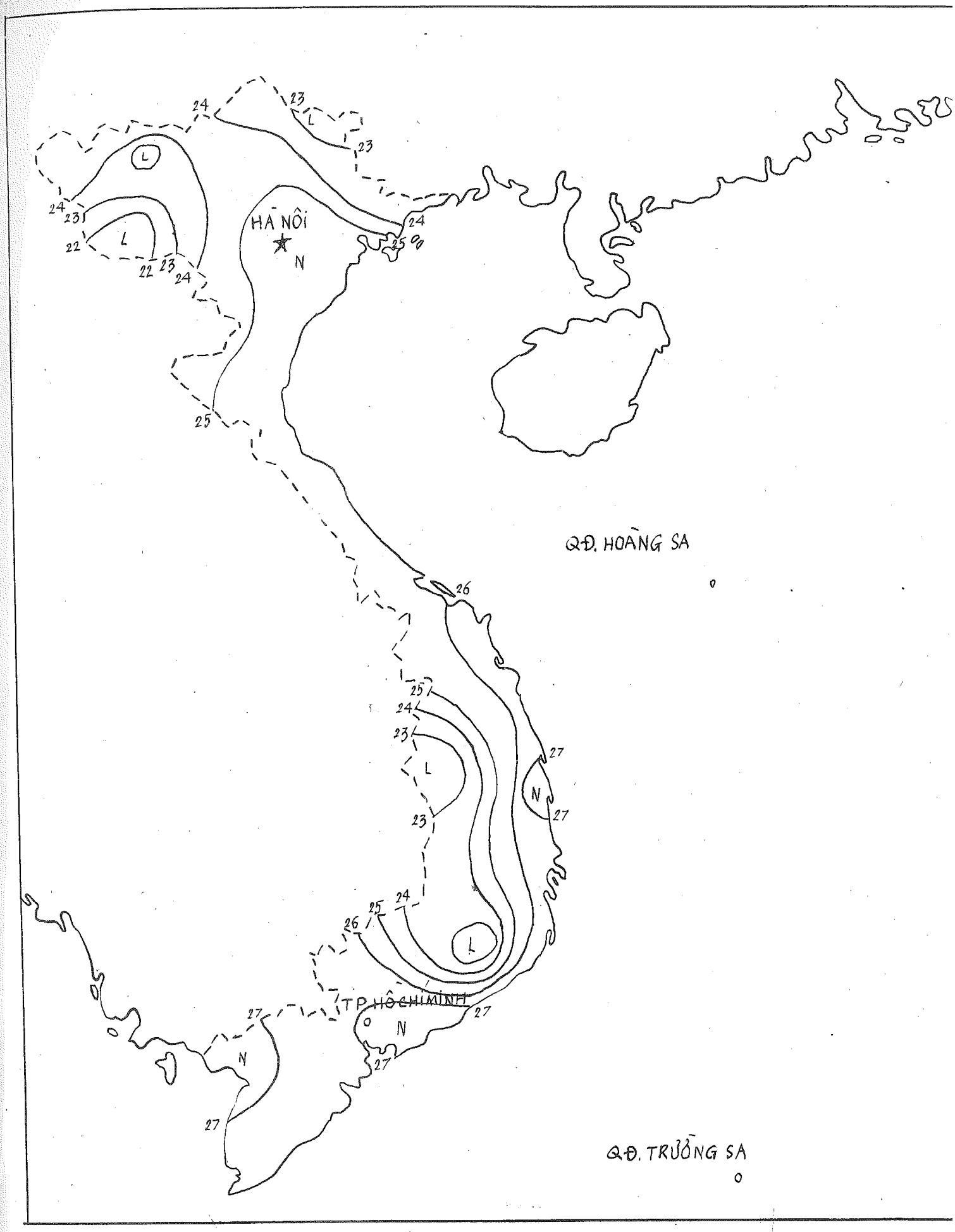

Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng X năm 1996

Ở các tỉnh Nam Bộ, do mực nước các sông rất cao đã gây ngập lụt nghiêm trọng nhiều nơi thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày cuối thượng tuần trên các sông ở Bắc Bộ đã có đợt lũ lớn.

- *Trên sông Thao tại Yên Bái,* mực nước cao nhất trong tháng: 29,27m (7h ngày 8).

- *Trên sông Lô tại Tuyên Quang,* mực nước cao nhất trong tháng: 21,38m (7h ngày 8), đặc biệt trên một số suối thuộc huyện Hoàng Su Phì thượng nguồn sông Lô đã xảy ra "lũ quét" rất mạnh phá hủy nhiều nhà và tài sản của nhân dân và nhà nước.

- *Trên sông Đà* , lưu lượng đến hồ Hòa Bình lớn nhất trong tháng : 3550m^3/s (ngày 8), lưu lượng nhỏ nhất tháng : 1200m^3/s (ngày 31), lưu lượng trung bình tháng 1950m^3/s, lớn hơn TBNN 3%; lưu lượng xả lớn nhất đo tại trạm Bến Ngọc : 3590m^3/s (ngày 9). Mực nước hồ ngày đầu tháng : 115,31m (7h ngày 1), ngày cuối tháng: 116,73m (7h ngày 31).

- *Trên sông Hồng tại Hà Nội,* mực nước cao nhất tháng : 7,14m (7h ngày 10), mực nước thấp nhất tháng : 4,26m (7h ngày 31), mực nước trung bình tháng : 5,38m, thấp hơn mức TBNN 0,62m.

- *Trên sông Thái Bình tại Phả Lại,* mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều; mực nước cao nhất tháng : 2,32m (1h ngày 11), mực nước thấp nhất tháng : 1,16m (1h ngày 28).

2. Ở Trung Bộ

Những ngày trung tuần và hạ tuần trên các sông ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ đã xảy ra lũ lớn. Trên sông Hương tại Huế trong tháng X đã xảy ra 2 đợt lũ lớn. Đợt thứ nhất, mực nước đỉnh lũ : 4,47m (21h ngày 23), xếp thứ 5 trong liệt quan trắc từ năm 1975 đến nay. Lũ đã gây ngập lụt 7 xã thuộc huyện Triệu Phong và thành phố Huế ngập nặng.

- *Trên sông Bến Hải tại Gia Vòng,* mực nước đỉnh lũ lớn nhất : 5,19m (16h ngày 30).

- *Trên sông Vệ tại trạm Sông Vệ,* mực nước đỉnh lũ : 4,67m (5h ngày 29).

- *Trên sông Trà Khúc tại Trà Khúc,* mực nước đỉnh lũ : 6,39m (24h ngày 29) ; xếp thứ 12 trong liệt quan trắc từ năm 1975 đến nay.

3. Ở Nam Bộ

Trên sông Tiền, sông Hậu đã xuất hiện lũ đặc biệt lớn với đỉnh lũ tại Tân Châu là 4,87m (1h ngày 7) , tại Châu Đốc là 4,54m (7h ngày 7) - lớn hơn đỉnh lũ năm 1978 và lớn nhất trong vòng 30 năm trở lại đây. Sau đó lũ xuống chậm nhưng còn duy trì ở mức rất cao cho đến cuối tháng . Mực nước hồi 7h ngày 31 tại Tân Châu là 4,08m; tại Châu Đốc là 3,85m. Đợt lũ này đã gây những thiệt hại nghiêm trọng về người và của ở Đồng bằng sông Cửu Long.

III- TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía bắc* : Hướng gió chủ yếu là bắc và đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 3-5m/s (cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất 18-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông và đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25-0,50m (cấp II). Ngoài khơi sóng cao nhất 3,50-4,50m (cấp VI).

-*Vùng biển phía nam* : Hướng gió chủ yếu là đông và đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3-cấp4) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 20-22m/s (cấp 8 -cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông và đông bắc.Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-cấpIII) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3 -4m (cấp V - cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 27-28°C, cao nhất 29-30°C, thấp nhất 25-26°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 20-30°C, cao nhất 31-32°C, thấp nhất 26-27°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 22-24‰, cao nhất 27-29‰, thấp nhất 18-20‰.

- *Vùng biển phía nam:* Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-30‰, cao nhất 31-32‰, thấp nhất 27-28‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn